

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/DS-ST

Ngày: 17-6-1025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH – TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Thêu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tuấn Cường, ông Bùi Thanh Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Huy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/ TLST-DS, ngày 02/12/2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST- DS, ngày 12/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-DS ngày 28/5/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (A). Địa chỉ: số B, L, phường T, quận B, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Toàn V – chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H – GD phòng G - A Chi nhánh S - Hòa Bình.

(Theo giấy ủy quyền số 202 ngày 14/11/2024). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Đức T, sinh năm 1974; địa chỉ: SN B, ngõ C, đường T, tổ C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974; địa chỉ: SN B, ngõ C, đường T, tổ C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ý kiến của bà Nguyễn Thị Thu H – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/01/2022 Ngân hàng N, đã ký Hợp tín dụng số 3011LAV202200012

ngày 06/01/2022 số tiền tạm tính đến ngày 13/11/2024 tổng cộng là: 385.438.634 đồng (cụ thể: nợ gốc: 299.958.000 đồng, nợ lãi: 85.480.634 đồng), thời hạn vay là 120 tháng cho ông Bùi Đức T. Mức lãi suất điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mục đích vay để bù đắp tiền xây nhà.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và người liên quan bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thanh toán trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã đôn đốc nhưng ông T, bà H1 không thực hiện đúng cam kết.

Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

* Yêu cầu ông Bùi Đức T và người liên quan bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 3011LAV202200012 ngày 06/01/2022 số tiền tạm tính đến ngày 13/11/2024 tổng cộng là: 385.438.634 đồng (cụ thể: nợ gốc: 299.958.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 76.944.056 đồng, lãi quá hạn: 1.074.192 đồng, lãi chậm trả: 7.462.386 đồng). ông T, bà H1 phải tiếp tục thanh toán lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết khoản vay của Hợp đồng nêu trên.

* Buộc ông T, bà H1 tiếp tục thanh toán tiền lãi phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng được ký kết kể từ ngày 14/11/2024 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

* Trường hợp ông T, bà H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền tự bán tài sản hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo như sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 441, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ: tổ C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO451941 do UBND thành phố H cấp ngày 12/3/2019 mang tên Bùi Đức T.

Trường hợp tài sản phát mại không đủ để thanh toán khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh thu nợ từ các khoản thu nhập và tài sản khác của ông T, bà H1.

Sau khi ông T, bà H1 tất toán xong khoản nợ, Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại giấy tờ nhà đất nêu trên và hoàn tất thủ tục giải chấp theo quy định.

* Ông T, bà H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

2. Tại bản tự khai ngày 17/01/2025 bị đơn ông Bùi Đức T trình bày:

Ngày 06/01/2022 tôi có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N vay số tiền 320.000.000 đồng, mục đích là bù đắp tiền xây nhà. Quá trình trả nợ do C nên vợ chồng tôi đã không thanh toán nợ đúng hạn. Đến thời điểm hiện tại do lương và các

khoản phụ cấp không trả đủ và đúng hạn nên chúng tôi chưa thực hiện xong nghĩa vụ với ngân hàng. Vợ chồng chúng tôi xác nhận có nợ ngân hàng như đơn khởi kiện của ngân hàng đã trình bày và tài sản thế chấp là thửa đất số 441 tờ bản đồ số 8 tại tổ C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Tôi xác nhận có khoản nợ trên đối với ngân hàng và cam kết trả nợ mong ngân hàng tạo điều kiện về mặt thời gian trả nợ vì ngoài đồng lương của Nhà nước tôi không có khoản thu nhập khác.

3. *Tại bản tự khai ngày 17/01/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Ngày 06/01/2022 vợ chồng tôi có vay của Ngân hàng N số tiền là 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng, mục đích là bù đắp tiền xây nhà. Sau khi được cấp tín dụng, quá trình trả nợ do thời điểm C vợ chồng tôi không thanh toán nợ đúng hạn. Đến thời điểm hiện tại do lương của chồng tôi thấp và tôi không có lương nên không trả đúng hạn với ngân hàng.

Vợ chồng tôi xác nhận có nợ ngân hàng theo đơn khởi kiện của ngân hàng trình bày và tài sản thế chấp là thửa đất số 441 tờ bản đồ 8 tại tổ C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Tôi xác nhận có nợ ngân hàng số tiền trên mong ngân hàng tạo điều kiện về thời gian cho chúng tôi trả nợ vì ngoài lương của Nhà nước chồng tôi không có thu nhập khác. Bản thân tôi là vợ nhưng không có nghề nghiệp, không có lương để cùng chồng trả nợ cho ngân hàng được.

Ngày 05/3/2025 Tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ đối với tài sản.

Ngày 08/5/2025 Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

Đại diện phía Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì phía bị đơn và người liên quan đã nhiều lần không thực hiện cam kết đối với Ngân hàng. Do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải và đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Ngân hàng A tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện phần lãi chậm trả đối với số tiền 10.791.232 đồng tính đến ngày 17/6/2025. Yêu cầu ông T, bà H2 phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2025 là: 397.873.489 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 96.381.968 đồng, lãi quá hạn: 1.533.521 đồng.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị HĐXX đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện phần lãi chậm trả đối với số tiền 10.791.232 đồng tính đến ngày 17/6/2025 của Ngân hàng A. Đề nghị Hội đồng xét xử căn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 17/6/2025 là 397.873.489 đồng. Trường hợp ông T, bà H1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng A có quyền đề nghị xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản đã ký để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị nơi là ông Bùi Đức T, cư trú tại: tổ C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

- Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự và đã xác định phạm vi khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không có ý kiến và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, nên về hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp, tuân thủ quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình vẫn tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về nợ gốc:

Ngày 06/01/2022 Ngân hàng A đã cho ông Bùi Đức T vay số tiền 320.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3011LAV202200012 ngày 06/01/2022, mục đích vay để bù đắp tiền xây nhà. Thực hiện theo đúng hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay trên cho ông T. Ông T đã nhận đủ số tiền và quá trình thực hiện hợp đồng ông T cũng đã thanh toán cho ngân hàng tính đến ngày 18/8/2022 tổng số tiền cả gốc và lãi là 39.775.621 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo cam kết.

2.2. Về số tiền nợ lãi: Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: "...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Theo hợp đồng tín dụng lãi suất cho vay từ 10%/năm đến 11%/năm, được điều chỉnh khi có thay đổi theo thông báo của Ngân hàng A trong từng thời kỳ và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn trên số nợ gốc thực tế chưa thanh toán. Xét thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng trên không trái với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 cũng như quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết nên hợp đồng nên có hiệu lực.

Tại phiên tòa đại diện phía nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện phần lãi chậm trả đối với số tiền 10.791.232 đồng tính đến ngày 17/6/2025. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định trên cần buộc ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh, tạm tính đến ngày 17/6/2025 tổng cộng là: 397.873.489 đồng, Trong đó: nợ gốc: 299.988.000 đồng, trong đó lãi trong hạn là 96.381.968 đồng, lãi quá hạn là: 1.533.521 đồng.

Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày 18/6/2025 ông T, bà H1 còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền

phải thanh toán trả Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2.3. Xét yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CO451941/2019/HĐTD ngày 14/3/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 06/01/2022 được công chứng tại Văn phòng C2. Đối tượng được thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 441, tờ bản đồ 8 diện tích 41,8m² địa chỉ: tổ C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Giấy chứng nhận QSD đất số CO 451941, sổ vào sổ cấp GCN CH02501 do UBND thành phố H cấp ngày 12/3/2019 mang tên ông Bùi Đức T. Hợp đồng thế chấp có chữ ký của ông Bùi Đức T và vợ là bà Nguyễn Thị H1.

Xét tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung cũng như hình thức của pháp luật Dân sự về giao dịch bảo đảm được quy định tại Điều 298 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163. Theo đó thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật thi hành.

Do vậy, yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn, người liên quan không thanh toán được khoản nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự 2015 và phù hợp với các thỏa thuận thế chấp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1: mặc dù bà H1 không ký hợp đồng tín dụng nhưng số tiền vay sử dụng vào mục đích chung là bù đắp tiền xây nhà; mặt khác tại Hợp đồng ủy quyền ngày 06/01/2022 được công chứng tại VP công chứng Đình Công C1 bà H1 đã ủy quyền cho ông T được xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng A, đồng thời bà cùng ông T ký hợp đồng thế chấp thửa đất số 441, tờ bản đồ 8 diện tích 41,8m² địa chỉ: tổ C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình do đó bà H1 có trách nhiệm cùng ông T thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng.

[3] *Về chi phí tố tụng*: cho việc xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã tự nguyện chịu chi phí này. Xét sự tự nguyện trên không trái quy định và có lợi cho phía bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phần yêu cầu thanh toán lãi chậm trả đối với số tiền lãi tính đến ngày 17/6/2025 là 10.791.232 (*Mười triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, hai trăm ba mươi hai*) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A).

Buộc ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng N (A), tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 17/6/2025 tổng cộng là: 397.873.489 đồng, Trong đó: nợ gốc: 299.988.000 đồng, trong đó lãi trong hạn là 96.381.968 đồng, lãi quá hạn là: 1.533.521 đồng.

3. Kể từ ngày 18/6/2025 cho đến khi thi hành xong ông T, bà H1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Bùi Đức T, bà Nguyễn Thị H1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N1 có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý khối tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 441, tờ bản đồ 8 diện tích 41,8m² địa chỉ: tổ C,

phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Giấy chứng nhận QSD đất số CO 451941, sổ vào sổ cấp GCN CH02501 do UBND thành phố H cấp ngày 12/3/2019 mang tên ông Bùi Đức T. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: CO451941/2019/HĐTD ngày 14/3/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 06/01/2022 được công chứng tại Văn phòng C2.

5. Về án phí: Ông Bùi Đức T, bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 19.894.000 (*Mười chín triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N 9.637.091 (*Chín triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi một*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004146 ngày 02/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TP Hòa Bình;
- Chi cục THADS TPHB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Thêu